TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 9 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sen.

Ông Huỳnh Trung Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02/08/2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Hồng L, sinh năm 1982 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Cư trú tại: Ấp T, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Ông FDJ, sinh năm 1974 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

Cư trú tại: QS, R, N, New Zealand.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lâm Hồng L trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2011, qua mai mối bà Lâm Hồng L quen biết với ông FDJ. Sau hơn một năm tìm hiểu, hai người cảm thấy hợp nhau nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2013, vào sổ đăng ký kết hôn số 27, quyển số 01/2013 ngày 01/3/2013 và hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, ông FDJ ở Việt Nam tại nhà bà khoảng 02 tháng, trong thời gian này ông FDJ có làm thủ tục bảo lãnh bà sang New Zealand sinh sống, nhưng kết quả phỏng vấn không đạt. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của hai người cũng bình thường, tuy xa nhau nhưng hai người cũng thường liên lạc qua điện thoại. Nhưng càng về sau thì hai người càng ít liên lạc với nhau và đến cuối năm 2014 thì hai người không còn liên lạc với nhau. Từ khi trở về nước vào năm 2013

cho đến nay thì ông FDJ cũng không lần nào sang Việt Nam thăm bà và hai người cũng không còn chung sống từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc với ông FDJ là không đạt được, vợ chồng xa cách, không còn liên lạc với nhau trong thời gian dài nên tình cảm đã phai nhạt, quan hệ hôn nhân chỉ còn ràng buộc nhau về mặt pháp lý. Nên bà quyết định ly hôn để trả tự do cho nhau, để mỗi người có cuộc sống của riêng mình.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông FDJ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà cũng không yêu cầu ông FDJ phải trợ cấp khó khăn cho bà sau khi ly hôn.

- *Bị đơn ông FDJ trình bày:*

Quá trình quen biết, đăng ký kết hôn và việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà Lâm Hồng L trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông FDJ đồng ý ly hôn với bà Lâm Hồng L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông bà không có, ông thống nhất không đặt ra xem xét.

Do hiện nay ông bận làm việc tại New Zealand, vì thế ông yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm nữa. Đồng thời, ông cũng không thể sắp xếp thời gian tham dự phiên tòa. Vì vậy, ông yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cam đoan không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 của nguyên đơn bà Lâm Hồng L yêu cầu được ly hôn với ông FDJ; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Nguyên đơn bà Lâm Hồng L có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử và yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị đơn FDJ là người có quốc tịch nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài nhưng ông cũng đã có văn bản yêu cầu Tòa án không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Bà Lâm Hồng L và ông FDJ đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2013, nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông FDJ là hôn nhân hợp pháp.

[4] Vào năm 2011, qua mai mối bà L và ông FDJ quen biết nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, hai người đã tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2013. Sau khi kết hôn, ông FDJ ở lại Việt Nam một thời gian ngắn thì trở về New Zealand, còn bà Lâm Hồng L vẫn ở Việt Nam. Ông FDJ có làm thủ tục bảo lãnh bà L sang New Zealand nhưng kết quả phỏng vấn không đạt. Sau khi ông FDJ về New Zealand một thời gian thì giữa ông và bà L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, giữa hai người không thể hòa hợp, tình cảm giữa hai bên đã không còn, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, không thể hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, hiện nay ông FDJ ở New Zealand, còn bà L ở Việt Nam, hai bên không còn tình cảm, không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau và không thể hàn gắn để đoàn tụ gia đình.

[5] Xét thấy, về mâu thuẫn giữa ông FDJ và bà L đều xác nhận trong thời gian xa nhau thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hiện nay đến mức trầm trọng, tình cảm giữa hai người không còn. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông FDJ và bà L là trên danh nghĩa và bị ràng buộc về mặt pháp lý, tình cảm giữa ông FDJ và bà L đã thật sự không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể đạt được, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Mặc khác, bà L yêu cầu ly hôn với ông FDJ thì ông cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Hồng L xin được ly hôn với ông FDJ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho bà Lâm Hồng L được ly hôn với ông FDJ.

[6] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Ông FDJ và bà L đều xác nhận không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Hồng L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 470; điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Hồng L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Bà Lâm Hồng L được ly hôn với ông FDJ.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lâm Hồng L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004419 ngày 02/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lâm Hồng L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND tỉnh Sóc Trăng *(Sở Tư pháp);*
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn